

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

2/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Hoàng Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Phương Trang** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Ngọc T**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 155, khu 2, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Hiện tạm trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Quốc H**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 155, khu 2, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Ông **Đặng Văn Lượm**, sinh năm 1951. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 155, khu 2, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 03/5/2019, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H thành hôn vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó vợ chồng ra Tòa án ly hôn, đến ngày 23/11/2012 đăng ký kết hôn lần 2. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H đi làm không gởi tiền về để nuôi con, cha mẹ chồng khó khăn đánh chửi và đuổi đi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Tương lai hạnh phúc không đạt, không thể đoàn tụ chung sống với nhau được nữa do chồng không thương vợ và con, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Quốc T, sinh ngày 23/6/2007 và Đặng Quốc Th, sinh ngày 06/8/2012 hiện đang sống chung với chị. Chị xin được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 22/5/2019, người làm chứng ông Đặng Văn L trình bày: Vào năm 2006 gia đình ông có tổ chức lễ cưới cho con ông là Đặng Quốc H và Võ Thị Ngọc T, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì anh H và chị T sống chung với gia đình ông. Đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng anh H phát sinh mâu thuẫn và ra Tòa án ly hôn, sau đó vợ chồng anh H trở về chung sống và đăng ký kết hôn lại. Giữa anh H và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, thường cự cãi nhau và vợ chồng anh H đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Về con chung có 02 con chung hiện đang sống chung với chị T, anh H đi làm ăn xa cũng có gởi tiền về để lo cho 02 con, điều kiện nuôi con của chị T cũng đảm bảo, các cháu học hành ổn định. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại biên bản về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được và đơn đề nghị vắng mặt cùng ngày 19/6/2019, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh H. Con chung chị xin được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ/01 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt), bị đơn vắng mặt (không lý do), người làm chứng vắng mặt (có ý kiến xin vắng mặt).

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T, xử cho chị T ly hôn với anh Đặng Quốc H. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đặng Quốc T, sinh ngày 23/6/2007 và Đặng Quốc Th, sinh ngày 06/8/2012 cho chị Võ Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đặng Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đặng Quốc H phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Võ Thị Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Đặng Quốc H cư trú tại số 155, khu 2, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt ngày 19/6/2019, bị đơn anh Đặng Quốc H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng ông Đặng Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông L đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Võ Thị Ngọc T và anh Đặng Quốc H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87 vào ngày 23/11/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu anh chị sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 02/2018 đến nay và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do và tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Đặng Văn L là cha ruột của anh H cũng xác định giữa chị T và anh H trước đây đã phát sinh mâu thuẫn và đã ra Tòa ly hôn vào năm 2012, sau đó anh H và chị T trở về sống chung và đăng ký kết hôn trở lại, trong quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị T có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, thường xuyên cãi vã nhau và vợ chồng đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Đặng Quốc T, sinh ngày 23/6/2007 và Đặng Quốc Th, sinh ngày 06/8/2012 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống cũng đảm bảo và cháu T cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Chị T xin được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 750.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét mức cấp dưỡng nuôi con chị T yêu cầu là phù hợp theo quy định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 19/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Võ Thị Ngọc T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đặng Quốc H phải nộp theo quy định tại Điều 6, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc T. Xử cho chị T ly hôn với anh Đặng Quốc H.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Đặng Quốc T, sinh ngày 23/6/2007 và Đặng Quốc Th, sinh ngày 06/8/2012 cho chị Võ Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đặng Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung là 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)/ tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 19/7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Võ Thị Ngọc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Võ Thị Ngọc T nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo

biên lai thu số 0015320 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Đặng Quốc H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 23/11/2012);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An